

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ THÔNG TƯ 49/2015/TT-BGTVT NGÀY 22 THÁNG 9 NĂM 2015 QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA LÃNH ĐẠO, ĐĂNG KIỂM VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>THÔNG TƯ</p> <p>Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa</p> <p><i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ</i></p>	<p>THÔNG TƯ</p> <p>Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa</p> <p><i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ</i></p>	<p>Bổ sung, sửa đổi căn cứ ban hành Thông tư</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p><i>cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</i></p>	<p><i>cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</i></p>	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là đơn vị đăng kiểm).	Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là đơn vị đăng kiểm).	Không thay đổi
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.	1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.	Không thay đổi
2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ	2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ	Không thay đổi

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng kiểm phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá.	quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng kiểm phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	
Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Không thay đổi
1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là lãnh đạo đơn vị) bao gồm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị đăng kiểm hoặc là người được giao phụ trách công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.	1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là lãnh đạo đơn vị) là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị đăng kiểm được giao phụ trách công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.	Thay đổi cho phù hợp
2. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là Đăng kiểm viên) là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định, được công nhận là Đăng kiểm viên để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa. Đăng kiểm viên bao gồm Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra và Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế.	2. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là Đăng kiểm viên) là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định, được công nhận là Đăng kiểm viên để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa. Đăng kiểm viên bao gồm Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra và Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế.	Bỏ từ “công tác”
3. Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra là Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm vỏ tàu	3. Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra là Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra tại hiện trường	Bỏ từ “công tác”; Thay đổi hạng đăng kiểm viên từ 3 hạng thành 2

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu) hoặc Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm máy và điện tàu tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu).</p> <p>Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra bao gồm 3 hạng: Hạng I, hạng II và hạng III.</p>	<p>các hạng mục thuộc phần vỏ, phần máy của phương tiện thủy nội địa theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.</p> <p>Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra bao gồm 02 hạng: Hạng I và hạng II.</p>	<p>hạng</p>
<p>4. Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế (sau đây gọi là đăng kiểm viên thẩm định thiết kế) là đăng kiểm viên thực hiện thẩm định các loại hồ sơ thiết kế được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia nhằm phục vụ cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và khai thác phương tiện thủy nội địa và thực hiện thẩm định tài liệu hướng dẫn.</p>	<p>4. Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế là đăng kiểm viên thực hiện thẩm định các loại hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn thuộc phần vỏ, phần máy của phương tiện thủy nội địa được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.</p>	<p>Bỏ từ “công tác”; Viết gọn lại cho phù hợp</p>
<p>5. Nhân viên nghiệp vụ đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là nhân viên nghiệp vụ) là người thực hiện việc tiếp nhận công việc, lưu trữ, cấp phát hồ sơ, ấn chỉ dùng trong công tác đăng kiểm và thực hiện các công việc khác phục vụ cho hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</p>	<p>5. Nhân viên nghiệp vụ đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là nhân viên nghiệp vụ) là người thực hiện việc tiếp nhận công việc, lưu trữ, cấp phát hồ sơ, ấn chỉ dùng trong hoạt động đăng kiểm và thực hiện các công việc khác phục vụ cho hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</p>	<p>Thay từ “công tác” bằng từ “hoạt động” cho phù hợp</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Chương II TIÊU CHUẨN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ, ĐẢNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ	Chương II TIÊU CHUẨN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ, ĐẢNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ	Không thay đổi
Điều 4. Tiêu chuẩn của nhân viên nghiệp vụ	Điều 4. Tiêu chuẩn của nhân viên nghiệp vụ	
1. Tốt nghiệp trung cấp trở lên.	1. Tốt nghiệp trung cấp trở lên.	Không thay đổi
2. Hoàn thành chương trình tập huấn nhân viên nghiệp vụ đảng kiểm phương tiện thủy nội địa.	2. Hoàn thành chương trình tập huấn nhân viên nghiệp vụ đảng kiểm phương tiện thủy nội địa.	Không thay đổi
Điều 5. Tiêu chuẩn đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III		Bỏ nội dung Điều này vì không còn quy định đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III
Điều 6. Tiêu chuẩn đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II	Điều 5. Tiêu chuẩn đảng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II	Thay đổi thứ tự Điều cho phù hợp; Bỏ từ “công tác”
1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.	1. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.	Thay đổi tiêu chuẩn đảng kiểm viên hạng II chỉ cần tốt nghiệp cao đẳng trở lên
2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II theo quy định tại điểm 1.3 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đảng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II theo quy định của Cục trưởng Cục Đảng kiểm Việt Nam.	Thay đổi quy định về chương trình tập huấn nghiệp vụ đảng kiểm viên do Cục trưởng Cục Đảng kiểm Việt Nam quy định
3. Là đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm		Bỏ nội dung này

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
tra hạng III có tổng thời gian giữ hạng đủ 12 (mười hai) tháng.		
4. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.	3. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.	Thay đổi thứ tự khoản cho phù hợp
5. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	4. Đã thực tập nghiệp vụ kiểm tra tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian: a) Tối thiểu 12 (mười hai) tháng đối với người chưa có kinh nghiệm công tác. b) Tối thiểu 06 (sáu) tháng đối với người đã có từ 01 (một) đến 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển. c) Tối thiểu 03 (ba) tháng đối với người đã có trên 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển.	Thay đổi thứ tự khoản; Thay đổi quy định về chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định; Tích hợp các tiêu chuẩn đối với người có kinh nghiệm từ các Điều quy định về công nhận trong trường hợp đặc biệt của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.
6. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực	5. Đạt yêu cầu tại đợt đánh giá thực tế năng lực	Bỏ cụm từ “lần đầu” cho phù hợp;

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II trước khi công nhận lần đầu.	thực hành nghiệp vụ kiểm tra hạng II trước khi công nhận.	Thay đổi từ ngữ cho phù hợp
Điều 7. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I	Điều 6. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I	Thay đổi thứ tự Điều cho phù hợp; Bỏ từ “công tác”
1. Là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II có tổng thời gian giữ hạng đủ 24 tháng.	1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.	Thay đổi tiêu chuẩn cho phù hợp với 2 hạng đăng kiểm viên
2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I theo quy định tại điểm 1.4 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.	Thay đổi quy định về chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định;
1. Là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II có tổng thời gian giữ hạng đủ 24 tháng.	3. Là đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II có tổng thời gian giữ hạng đủ 12 (mười hai) tháng.	Thay đổi thời gian giữ hạng thành 12 tháng
3. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.	4. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.	Thay đổi thứ tự khoản
4. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của	5. Đã thực tập nghiệp vụ kiểm tra tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của	Thay đổi thứ tự khoản; Thay đổi quy định về chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên do Cục

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.	trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định;
5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I trước khi công nhận lần đầu.	6. Đạt yêu cầu tại đợt đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ kiểm tra hạng I trước khi công nhận.	Bỏ cụm từ “lần đầu” cho phù hợp
	7. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật và có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển còn thời hạn hiệu lực hoặc Đăng kiểm viên của tổ chức đăng kiểm nước ngoài là thành viên của Hiệp hội các Tổ chức phân cấp quốc tế (IACS), sau khi đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra phương tiện thủy nội địa hạng I với các hạng mục kiểm tra tương ứng với Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển.	Tích hợp tiêu chuẩn đối với người có kinh nghiệm từ các Điều quy định về công nhận trong trường hợp đặc biệt của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.
Điều 8. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thẩm định thiết kế	Điều 7. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế	Thay đổi thứ tự Điều; Bỏ sung từ “thực hiện”
1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu	1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
cầu của vị trí việc làm.	cầu của vị trí việc làm.	
2. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.	2. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.	
3. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định tại điểm 1.5 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	3. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.	Bổ sung từ “thực hiện”; Thay đổi quy định về chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định
4. Đã thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế tối thiểu 06 (sáu) tháng đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định tại điểm 2.3 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	4. Đã thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế đối với các hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian: a) Tối thiểu 06 (sáu) tháng đối với người chưa có kinh nghiệm công tác. b) Tối thiểu 03 (ba) tháng đối với người có thời gian thực hiện nhiệm vụ thiết kế tàu thủy tại các đơn vị thiết kế tàu thủy tối thiểu 02 (hai) năm hoặc Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra.	Thay đổi quy định về chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định; Tích hợp tiêu chuẩn đối với người có kinh nghiệm từ các Điều quy định về công nhận trong trường hợp đặc biệt của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.
5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực	5. Đạt yêu cầu tại đợt đánh giá thực tế năng lực	Bỏ cụm từ “lần đầu” cho phù hợp

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa trước khi công nhận lần đầu.	thực hành nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa trước khi công nhận.	
	6. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận thực hiện công tác thẩm định thiết kế tàu biển theo quy định của pháp luật và có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển còn thời hạn hiệu lực, sau khi đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa với nhiệm vụ, phạm vi thực hiện tương ứng với Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển.	Tích hợp tiêu chuẩn đối với người có kinh nghiệm từ các Điều quy định về công nhận trong trường hợp đặc biệt của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.
Điều 9. Tiêu chuẩn lãnh đạo đơn vị đăng kiểm	Điều 8. Tiêu chuẩn lãnh đạo đơn vị	Thay đổi thứ tự Điều
1. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	1. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	
2. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng I, hạng II phải có trình độ đại học trở lên; là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.	2. Có trình độ đại học trở lên và là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.	Thay đổi phù hợp với Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa
3. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III phải có		Bỏ nội dung này cho phù hợp với

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
trình độ cao đẳng trở lên; là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.		Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa
Chương III NHIỆM VỤ CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	Chương III NHIỆM VỤ CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	
Điều 10. Nhiệm vụ của nhân viên nghiệp vụ	Điều 9. Nhiệm vụ của nhân viên nghiệp vụ	Thay đổi thứ tự Điều
Nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị:	Nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị:	Không thay đổi
1. Tiếp nhận yêu cầu công việc.	1. Tiếp nhận yêu cầu công việc.	Không thay đổi
2. Cấp phát hồ sơ đăng kiểm phương tiện.	2. Cấp phát hồ sơ đăng kiểm phương tiện.	Không thay đổi
3. Ghi hồ sơ, sổ quản lý phục vụ công tác đăng kiểm.	3. Ghi hồ sơ, sổ quản lý phục vụ hoạt động đăng kiểm.	Bổ sung từ “hoạt động”
4. Thống kê, báo cáo.	4. Thống kê, báo cáo.	Không thay đổi
5. Tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ, ấn chỉ phục vụ công tác đăng kiểm.	5. Tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ, ấn chỉ phục vụ hoạt động đăng kiểm.	Bổ sung từ “hoạt động”
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân	6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân	Không thay đổi

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
công của lãnh đạo đơn vị.	công của lãnh đạo đơn vị.	
Điều 11. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III		Bỏ nội dung Điều này vì không còn quy định đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III
Điều 12. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II	Điều 10. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II	Thay đổi thứ tự Điều
<p>1. Nhiệm vụ</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;</p> <p>b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên hạng III và hạng II;</p> <p>c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng II;</p> <p>d) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên hạng III và hạng II.</p>	<p>1. Nhiệm vụ</p> <p>a) Kiểm tra lần đầu, chu kỳ, bất thường, hoán cải phương tiện;</p> <p>b) Lập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng kiểm tra;</p> <p>c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng II;</p> <p>d) Kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp sử dụng trong đóng mới, hoán cải, lắp đặt trên phương tiện;</p> <p>e) Giám định trạng thái kỹ thuật, tham gia điều tra tai nạn đối với phương tiện thủy nội địa trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;</p>	Thay đổi cho phù hợp với việc tồn tại 2 hạng đăng kiểm viên (gộp nhiệm vụ của đăng kiểm viên hạng III và hạng II trước đây)

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>g) Tính giá dịch vụ, lệ phí đăng kiểm cho đối tượng kiểm tra theo quy định;</p> <p>h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.</p>	
<p>2. Phạm vi thực hiện</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu dầu có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 100 người trở lên, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm);</p> <p>b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra</p>	<p>2. Phạm vi thực hiện</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phạm vi được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận đối với tất cả các phương tiện thủy nội địa, trừ: phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở hàng nguy hiểm; phương tiện chở khí hóa lỏng; phương tiện chở xô hóa chất nguy hiểm; phương tiện chở dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60°C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; phương tiện cao tốc chở khách; tàu đệm khí; nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm; phương tiện chở khách có sức chở từ 100 khách trở lên.</p>	<p>Thay đổi phạm vi cho phù hợp; và theo phạm vi của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.		
Điều 13. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I	Điều 11. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I	Thay đổi thứ tự Điều
<p>1. Nhiệm vụ</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư này;</p> <p>b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên hạng I;</p> <p>c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng I;</p> <p>d) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên hạng I.</p>	<p>1. Nhiệm vụ</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.</p> <p>b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ.</p> <p>c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng I.</p> <p>d) Tham gia đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ kiểm tra theo chỉ định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p> <p>đ) Chủ trì thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn sổ tay nghiệp vụ đăng kiểm viên; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p>	Thay đổi điều khoản tham chiếu; bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp năng lực.
2. Phạm vi thực hiện	2. Phạm vi thực hiện	Thay đổi phạm vi cho phù hợp; và

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa;</p> <p>b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.</p>	<p>Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phạm vi được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận đối với tất cả các phương tiện thủy nội địa.</p>	<p>theo phạm vi của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận</p>
Điều 14. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế	Điều 12. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế	Thay đổi thứ tự Điều; Bổ sung từ “thực hiện”
<p>1. Nhiệm vụ</p> <p>a) Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn quy định tại Điều 3 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số</p>	<p>1. Nhiệm vụ</p> <p>a) Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn.</p> <p>b) Lập hồ sơ liên quan đến việc thẩm định.</p> <p>c) Tính giá dịch vụ, lệ phí đăng kiểm theo quy</p>	<p>Bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp năng lực.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa);</p> <p>b) Lập hồ sơ liên quan đến việc thẩm định thiết kế;</p> <p>c) Tính giá dịch vụ, lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định;</p> <p>d) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế;</p> <p>đ) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế.</p>	<p>định.</p> <p>d) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ.</p> <p>đ) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế.</p> <p>e) Tham gia đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ thẩm định thiết kế theo chỉ định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p> <p>g) Chủ trì thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn sổ tay nghiệp vụ đăng kiểm viên; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p>	
<p>2. Phạm vi thực hiện: theo nội dung thực tập và đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.</p>	<p>2. Phạm vi thực hiện:</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phạm vi được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.</p>	<p>Thay đổi cho phù hợp</p>
<p>Điều 15. Nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị</p>	<p>Điều 13. Nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị</p>	<p>Thay đổi thứ tự Điều</p>
<p>1. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát</p>	<p>1. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt</p>	<p>Thay đổi cho phù hợp</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
công tác đăng kiểm của đơn vị đăng kiểm đảm bảo đúng quy định.	động đăng kiểm của đơn vị đăng kiểm theo quy định.	
2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Không thay đổi
Chương IV QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	Chương IV QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	Không thay đổi
Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên nghiệp vụ	Điều 14. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên nghiệp vụ	Thay đổi thứ tự Điều
1. Quyền hạn a) Từ chối cấp hồ sơ đăng kiểm, hồ sơ thẩm định thiết kế khi tổ chức, cá nhân không nộp giá dịch vụ và lệ phí đăng kiểm theo quy định; b) Bảo lưu và báo cáo cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến của mình khác với ý kiến của lãnh đạo đơn vị.	1. Quyền hạn a) Từ chối cấp hồ sơ đăng kiểm, hồ sơ thẩm định thiết kế khi tổ chức, cá nhân không nộp giá dịch vụ và lệ phí đăng kiểm theo quy định; b) Bảo lưu và báo cáo cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến của mình khác với ý kiến của lãnh đạo đơn vị.	Không thay đổi
2. Trách nhiệm Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và	2. Trách nhiệm Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và	Không thay đổi

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
trước pháp luật.	trước pháp luật.	
Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra	Điều 15. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra	Thay đổi thứ tự Điều; Bỏ từ “công tác”
<p>1. Quyền hạn</p> <p>a) Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện công tác kiểm tra kỹ thuật, đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường;</p> <p>b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo đơn vị về kết luận đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện, sản phẩm công nghiệp;</p> <p>c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định;</p> <p>d) Từ chối thực hiện nhiệm vụ nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của Đăng kiểm viên hoặc khi nhận thấy các điều kiện để thực hiện</p>	<p>11. Quyền hạn</p> <p>a) Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp tạo điều kiện cần thiết để thực hiện kiểm tra, bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường.</p> <p>b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo đơn vị về kết luận đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện, sản phẩm công nghiệp.</p> <p>c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định.</p> <p>d) Từ chối thực hiện nhiệm vụ nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của Đăng kiểm viên hoặc khi nhận thấy các điều kiện để thực hiện kiểm tra, an toàn lao động tại hiện trường</p>	<p>Thay đổi một số từ ngữ cho phù hợp</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
công tác kiểm tra kỹ thuật, an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.	không bảo đảm.	
<p>2. Trách nhiệm</p> <p>a) Thực hiện công tác đăng kiểm khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.</p>	<p>2. Trách nhiệm</p> <p>a) Thực hiện công tác đăng kiểm khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.</p>	Không thay đổi
Điều 18. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế	Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế	Thay đổi thứ tự Điều; Bổ sung từ “thực hiện”
<p>1. Quyền hạn</p> <p>a) Yêu cầu đơn vị thiết kế cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên ý kiến khác với quyết định của thủ trưởng đơn vị về kết luận đánh giá thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp;</p> <p>c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ thẩm định thiết kế cho phương</p>	<p>1. Quyền hạn</p> <p>a) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên ý kiến khác với quyết định của thủ trưởng đơn vị về kết luận đánh giá tài liệu hướng dẫn, hồ sơ thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp.</p> <p>b) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn theo quy định hiện hành.</p> <p>c) Từ chối thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn nếu công việc được phân công chưa</p>	Bỏ quyền yêu cầu; Thay đổi từ ngữ cho phù hợp

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định hiện hành;</p> <p>d) Từ chối thẩm định thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của đăng kiểm viên.</p>	<p>được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn.</p>	
<p>2. Trách nhiệm</p> <p>a) Thực hiện thẩm định thiết kế khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.</p>	<p>2. Trách nhiệm</p> <p>a) Thực hiện thẩm định thiết kế khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.</p>	<p>Thay đổi từ ngữ cho phù hợp</p>
<p>Điều 19. Quyền hạn, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị</p>	<p>Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị</p>	<p>Thay đổi thứ tự Điều</p>
<p>1. Được ký hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng kiểm theo quy định.</p>	<p>1. Được ký hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng kiểm theo quy định.</p>	
<p>2. Hủy bỏ kết luận của Đăng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</p>	<p>2. Hủy bỏ kết luận của Đăng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</p>	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
3. Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và trước pháp luật về hoạt động của đơn vị đăng kiểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của đơn vị đăng kiểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Thay đổi cho phù hợp
Chương V TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM, CÔNG NHẬN VÀ ĐÌNH CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN	Chương V TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM, CÔNG NHẬN VÀ ĐÌNH CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN	
Điều 20. Tập huấn và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm	Điều 18. Tập huấn và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm	Thay đổi thứ tự Điều
1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm thực hiện theo quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục I của Thông tư này.	1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm thực hiện theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.	Thay đổi quy định về chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định
2. Nhân viên nghiệp vụ, Đăng kiểm viên sau khi hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ được cấp giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.	2. Nhân viên nghiệp vụ, Đăng kiểm viên sau khi hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ được cấp Giấy chứng nhận theo mẫu do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định.	Thay đổi quy định về mẫu giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định
Điều 21. Thẩm quyền công nhận đăng kiểm viên, thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm	Điều 19. Thẩm quyền công nhận đăng kiểm viên, đình chỉ tạm thời, thu hồi Giấy chứng	Thay đổi thứ tự Điều; Bổ sung nội dung đình chỉ giấy chứng nhận

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
viên	nhận đăng kiểm viên	đăng kiểm viên
Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên và thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.	Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, đình chỉ tạm thời và thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.	Bổ sung nội dung đình chỉ tạm thời giấy chứng nhận đăng kiểm viên
Điều 22. Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên		Bỏ nội dung Điều này
1. Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên có chức năng tham mưu cho Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận Đăng kiểm viên.		
2. Thành phần hội đồng gồm: Đại diện lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam là Chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và các ủy viên.		
3. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định thành lập và quy định cụ thể quy chế làm việc của Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên.		
Điều 23. Hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên	Điều 20. Hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên	Thay đổi thứ tự Điều
1. Hồ sơ công nhận đăng kiểm viên lần đầu a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu	1. Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo	Bỏ nội dung Hồ sơ công nhận lại đăng kiểm viên; gộp 2 nội dung

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);</p> <p>b) Lý lịch chuyên môn của đảng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);</p> <p>c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đảng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>Thông tư này (bản chính);</p>	<p>công nhận lần đầu và công nhận nâng hạng với nhau; Thay đổi điều khoản tham chiếu; Thay đổi mẫu báo cáo thực tập nghiệp vụ do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định</p>
<p>2. Hồ sơ công nhận lại đảng kiểm viên</p> <p>a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);</p> <p>b) Lý lịch chuyên môn của đảng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính) nếu có thay đổi so với Hồ sơ công nhận đảng kiểm viên lần đầu.</p>	<p>2. Lý lịch chuyên môn của đảng kiểm viên theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);</p>	
<p>3. Hồ sơ công nhận nâng hạng đảng kiểm viên</p>	<p>3. Báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được</p>	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);</p> <p>b) Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);</p> <p>c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>đề nghị công nhận đăng kiểm viên theo mẫu do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định.</p>	
Điều 24. Công nhận đăng kiểm viên lần đầu	Điều 21. Công nhận đăng kiểm viên	Thay đổi thứ tự Điều; Gộp nội dung công nhận lần đầu, công nhận nâng hạng thành 01 Điều
<p>1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ;</p>	<p>1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 20 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn</p>	Thay đổi điều khoản tham chiếu của hồ sơ đề nghị

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.	01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.	
2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên và đơn vị đăng kiểm phải hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và chỉ định đăng kiểm viên để tiến hành đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi hoàn thành đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên thực hiện đánh giá phải hoàn thành biên bản đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu số 03, 04, 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian hoàn thành việc đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Thay đổi điều khoản tham chiếu mẫu biên bản kiểm tra
3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi	3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi	Bỏ thời hạn Giấy chứng nhận đăng

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa có thời hạn 05 (năm) năm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>nhận được biên bản đánh giá quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này và kết quả đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì quyết định công nhận đăng kiểm viên và cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa không có thời hạn theo mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>kiểm viên; Thay đổi điều khoản tham chiếu mẫu Giấy chứng nhận</p>
<p>4. Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày kiểm tra không đạt. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng</p>	<p>4. Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả đánh giá không đạt. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 20</p>	<p>Thay đổi điều khoản tham chiếu về hồ sơ đề nghị</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.	của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.	
5. Kết quả công nhận đăng kiểm viên được trả cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.	5. Kết quả công nhận đăng kiểm viên được trả cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.	Không thay đổi
Điều 25. Công nhận lại đăng kiểm viên		Bỏ nội dung Điều này do bỏ thời hạn giấy chứng nhận
Điều 26. Công nhận nâng hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra		Bỏ nội dung Điều này
Điều 27. Công nhận đăng kiểm viên trong trường hợp đặc biệt		Bỏ nội dung Điều này chuyển các yêu cầu vào tiêu chuẩn của đăng kiểm viên
1. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển hoặc đăng kiểm viên của tổ chức đăng kiểm quốc tế là thành viên của Hiệp hội các tổ		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>chức phân cấp quốc tế (IACS), sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa với các hạng mục tương ứng với Phụ lục của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển thực hiện công tác kiểm tra tàu (đăng kiểm viên tàu biển bậc cao được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng I, đăng kiểm viên tàu biển được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng II); sau thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II, nếu được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I và được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đạt yêu cầu sẽ được công nhận nâng hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I.</p>		
<p>2. Người đã có từ 01 (một) đến 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 06 (sáu) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng</p>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.		
3. Người đã có trên 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.		
4. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận thực hiện công tác thẩm định thiết kế tàu biển theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa với nhiệm vụ, phạm vi thực hiện tương ứng.		
5. Người có thời gian thực hiện nhiệm vụ thiết		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>kế tàu thủy tại các đơn vị thiết kế tàu thủy tối thiểu 02 (hai) năm hoặc đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra, đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Thông tư này, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa, có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.</p>		
<p>6. Hồ sơ và thủ tục đề nghị công nhận đăng kiểm viên</p> <p>a) Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các khoản 1, khoản 4 Điều này: Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này để đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam</p>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên;</p> <p>b) Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này: Hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Thủ tục công nhận đăng kiểm viên thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.</p>		
Điều 28. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên	Điều 22. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên	Thay đổi thứ tự Điều
<p>Trường hợp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên được cấp lại bằng thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên bị mất, bị hư hỏng.</p>	<p>Trường hợp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên nhưng bị mất, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do.</p>	<p>Thay đổi điều khoản tham chiếu mẫu văn bản đề nghị. Bỏ nội dung liên quan đến hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 23. Đình chỉ tạm thời giấy chứng nhận đăng kiểm viên	Bổ sung Điều này
	<p>1. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa bị đình chỉ tạm thời giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong 30 ngày khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Cố ý làm sai lệch kết quả hoạt động đăng kiểm.</p> <p>b) Có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>c) Không thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao mà không có lý do chính đáng.</p> <p>d) Vi phạm quy định về kỷ luật lao động; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.</p>	Bổ sung nội dung này
	2. Khi nhận được kiến nghị, phản ánh có căn cứ xác định đăng kiểm viên có hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định đình chỉ tạm thời giấy chứng nhận đăng kiểm viên và thông báo đến đơn vị quản lý đăng kiểm viên vi phạm, đồng thời công bố	Bổ sung nội dung này

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.	
	3. Đăng kiểm viên có giấy chứng nhận bị đình chỉ tạm thời không được thực hiện nhiệm vụ đăng kiểm trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều này.	Bổ sung nội dung này
Điều 29. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên	Điều 24. Thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên	Thay đổi thứ tự Điều
Đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong các trường hợp sau:	<p>1. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa bị thu hồi giấy chứng nhận khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi nhiệm vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.</p> <p>b) Làm giả hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên.</p> <p>c) Có từ 02 03 lần bị tạm đình chỉ đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng liên tục.</p> <p>d) Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.</p> <p>đ) Sử dụng các công cụ, phần mềm để sửa chữa dữ liệu phương tiện, dữ liệu kiểm định, chứng</p>	Thay đổi kết cấu, bổ sung các nội dung mới

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>nhận nhằm hợp thức hóa thông tin phương tiện, kết quả kiểm tra phương tiện.</p> <p>e) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>g) Không được lãnh đạo tổ chức đăng kiểm tiếp tục giao nhiệm vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</p>	
<p>1. Làm sai lệch kết quả đăng kiểm phương tiện hoặc không tuân thủ đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện mà gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến an toàn phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.</p>	<p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày xác định được đăng kiểm viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên, gửi đến đơn vị quản lý đăng kiểm viên, đồng thời công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p>	<p>Bổ sung nội dung này</p>
<p>2. Làm giả các hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.</p>		
<p>3. Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án do vi phạm các quy định liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</p>		
<p>4. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân</p>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
sự.		
Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 30. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam	Điều 25. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam	Thay đổi thứ tự Điều
1. Lập kế hoạch, chương trình, ban hành tài liệu tập huấn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn nghiệp vụ; tổ chức kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên và cấp Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.	1. Quy định chương trình tập huấn nghiệp vụ, nội dung thực tập nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và mẫu Giấy chứng nhận hoàn thành tập huấn nghiệp vụ, mẫu Báo cáo thực tập nghiệp vụ, mẫu Phụ lục Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.	Thay đổi cho phù hợp
2. Hướng dẫn, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm các quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên phạm vi toàn quốc.	2. Tổ chức đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên và cấp, đình chỉ tạm thời, thu hồi Giấy chứng nhận, Phụ lục Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.	Thay đổi cho phù hợp
Điều 31. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải		Bỏ nội dung Điều này
Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
phổ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm của địa phương quản lý.		
Điều 31a. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm	Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm	Thay đổi thứ tự Điều
1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho đăng kiểm viên tại đơn vị phù hợp với năng lực được nêu trên Giấy chứng nhận đăng kiểm viên và phù hợp với thẩm quyền, nhiệm vụ của đơn vị.	1. Tổ chức phân công đăng kiểm viên hướng dẫn thực hành nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị phù hợp với năng lực được nêu trên Giấy chứng nhận đăng kiểm viên và phù hợp với thẩm quyền, nhiệm vụ của đơn vị.	Thay đổi cho phù hợp
2. Đảm bảo về nguồn nhân lực phục vụ công tác đăng kiểm tại đơn vị theo quy định.		Bỏ nội dung này
3. Chịu trách nhiệm về các nội dung trong báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị thuộc đơn vị mình theo quy định tại Thông tư này.	2. Chịu trách nhiệm về các nội dung trong báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị thuộc đơn vị mình theo quy định tại Thông tư này.	Không thay đổi
	Điều 27. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo đại học có chuyên ngành liên quan đến đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	Bổ sung nội dung Điều này
	1. Soạn thảo, ban hành kế hoạch, tài liệu đào	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tạo bổ sung chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25.	
	2. Tổ chức đào tạo bổ sung chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ đối với nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa và kiểm tra, cấp giấy chứng nhận theo quy định.	
Điều 32. Hiệu lực thi hành		Chuyển thành Điều 31
1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.		
2. Bãi bỏ Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn chức trách và nhiệm vụ của Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa; bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 34/2011/TT-BGTVT ngày 26/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 và Tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.		
Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp	Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp	Thay đổi thứ tự Điều
<p>1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức rà soát đăng kiểm viên đang giữ hạng theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, đã thực hiện kiểm tra phương tiện theo quy định tại Điều 11 của Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT, để công nhận đăng kiểm viên theo các hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra được quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT như sau:</p> <p>a) Các đăng kiểm viên đã được công nhận theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, đã thực hiện kiểm tra phương tiện tương đương với cỡ loại phương tiện thuộc phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT, sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra tương</p>	<p>1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức rà soát, công nhận đăng kiểm viên đang giữ hạng theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2024.</p>	Thay đổi cho phù hợp

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>ứng hạng II của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT; đã thực hiện kiểm tra phương tiện tương đương với cỡ loại phương tiện thuộc phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT, sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra tương ứng hạng I của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT. Đăng kiểm viên các hạng được công nhận theo quy định tại khoản này được miễn các yêu cầu quy định tại khoản 3, 5 Điều 6 hoặc khoản 3, 5 Điều 7 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT.</p> <p>b) Các đăng kiểm viên đã được công nhận theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, trên 50 tuổi từ ngày 01/10/2018, tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành về vỏ, máy tàu thủy sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I, II tương ứng của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT và được miễn yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT.</p> <p>c) Các đăng kiểm viên trên 50 tuổi hiện đang là</p>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>đăng kiểm viên hạng I, II và đăng kiểm viên thẩm định thiết kế từ ngày 01/10/2018, được miễn chứng chỉ ngoại ngữ khi xem xét chuyển tiếp.</p> <p>d) Việc rà soát, công nhận phải hoàn thành trước ngày 31/12/2019.</p>		
<p>2. Lãnh đạo đơn vị, nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các đơn vị đăng kiểm phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p>	<p>2. Các đăng kiểm viên đang giữ hạng III theo quy định trước đây được công nhận chuyển tiếp thành đăng kiểm viên hạng II; các đăng kiểm viên đang giữ hạng II được công nhận chuyển tiếp thành đăng kiểm viên hạng I.</p>	<p>Thay đổi cho phù hợp</p>
	<p>3. Cục Đăng kiểm Việt Nam hoàn thành việc rà soát, công nhận chuyển tiếp trong thời hạn 12 (sáu) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.</p>	
<p>Điều 34. Trách nhiệm thi hành</p>		<p>Bỏ nội dung Điều này</p>
<p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 29. Điều khoản thi hành	
	1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2026.	
	<p>2. Bãi bỏ:</p> <p>a) Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;</p> <p>b) Điều 9 Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;</p> <p>c) Điều 2 Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển;</p> <p>d) Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ</p>	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</p> <p>đ) Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm./.</p>	
Các phụ lục		Gộp các phụ lục thành các mẫu, bỏ các phụ lục không cần thiết